

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày 27-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Trí.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc và bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1960, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Lò Vôi, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960, vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: ấp P1, xã P1, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968, vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: ấp P1, xã P1, huyện L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hoàng Văn D trình bày:

Ngày 31/7/2017, ông D có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị

T vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), ông D đã giao đủ tiền tại nhà ông T, ông T là người nhận tiền và ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 31/7/2017 giữa người cho mượn là Hoàng Văn D và người mượn là Nguyễn Văn T (giấy viết tay). Bà T không ký tên vào giấy mượn tiền nhưng đồng ý vay; lãi suất là 3%/tháng nhưng không ghi nhận trong giấy mượn tiền; thời hạn vay là 06 tháng nhưng sau đó ông T, bà T cứ khất hẹn; mục đích vay dùng sinh hoạt gia đình.

Số tiền ông D cho vợ chồng ông T, bà T vay là tiền riêng của ông D, không liên quan đến tài sản vợ chồng ông D.

Theo đơn khởi kiện thì ông D yêu cầu ông T, bà T trả cho ông D 40.000.000đ tiền gốc, nhưng ông T, bà T đã trả cho ông D được 10.000.000đ tiền gốc. Nay ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T trả cho ông D số tiền gốc là 30.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ông T đồng ý ông T, bà T trả cho ông D số tiền gốc 30.000.000đ nhưng đề nghị được trả dần, cứ 3 tháng ông T, bà T trả cho ông D 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ thì ông D không đồng ý.

- Theo bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 31/7/2017, vợ chồng ông T, bà T vay của ông D số tiền 40.000.000 đồng, ông T đã nhận đủ tiền tại nhà của ông T, ông T là người ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 31/7/2017 giữa người cho mượn là Hoàng Văn D và người mượn là Nguyễn Văn T (giấy viết tay). Bà T không ký tên vào giấy mượn tiền nhưng đồng ý vay và cùng với ông T sử dụng số tiền này; lãi suất không ghi nhận trong giấy mượn tiền; thời hạn vay là 06 tháng. Đến nay, ông T, bà T đã trả cho ông D được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng tiền gốc.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông D, ông T đồng ý ông T, bà T trả cho ông D số tiền 30.000.000 đồng. Nhưng ông T đề nghị được trả dần, cứ 3 tháng ông T, bà T trả cho ông D 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

- Theo Biên bản Hòa giải ngày 09/10/2020 tại Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông T về việc vay tiền như trên. Vợ chồng bà đồng ý trả cho ông D số tiền 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 09/10/2020 tại Tòa, bà T có mặt và trình bày ý kiến như trên nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ông T, bà T trả cho ông D số tiền gốc 30.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, chỗ ở hiện nay tại ấp Phước Thắng, xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Giấy mượn tiền ngày 31/7/2017 giữa người cho mượn là Hoàng Văn D và người mượn là Nguyễn Văn T (giấy viết tay), ông T vay 40.000.000đồng của ông D, thời hạn vay 06 tháng; người vay tiền đã nhận đủ tiền và ký tên. Bà T (vợ ông T) không ký tên vào giấy mượn tiền nhưng thừa nhận cùng vay và cùng với ông T sử dụng số tiền vay. Đến nay cả ông D, ông T và bà T đều thừa nhận ông T, bà T đã trả cho ông D được 10.000.000đ nợ gốc, còn nợ lại 30.000.000đ. Nay ông D yêu cầu ông T, bà T trả 30.000.000đ nợ gốc, không yêu cầu tính lãi thì ông T, bà T đều đồng ý (bà T trình bày ý kiến tại Biên bản hòa giải ngày 09/10/2020 tại Tòa nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải).

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định ông D đã cho ông T, bà T vay 40.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 31/7/2017; ông T, bà T đã trả cho ông D 10.000.000đ nợ gốc. Nay, ông D yêu cầu ông T, bà T trả 30.000.000 đồng nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

Về ý kiến của ông T đề nghị được trả dần, cứ 3 tháng ông T, bà T trả cho ông D 2.000.000đ cho đến khi trả hết nợ 30.000.000đ nhưng ông D không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận.

Về tiền lãi, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông D, không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ông D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn nộp tiền án phí cho ông T; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn D.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T trả cho ông Hoàng Văn D 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nợ gốc theo Giấy mượn tiền ngày 31/7/2017.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Hoàng Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông D 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 04166 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho ông Nguyễn Văn T.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/01/2021); bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;

- Dương sự;
- Lưu.

Đỗ Hữu Trí